

TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

**BẢN TIN CẢNH BÁO, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
NĂM 2026
PHẠM VI: LƯU VỰC SÔNG THẠCH HẸN**

**TRUNG TÂM CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC
GIÁM ĐỐC**



Lê Thị Mai Vân

NĂM 2026

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo.....	3
1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo.....	3
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất	3
1.2.2. Mực nước dưới đất	3
1.2.3. Chất lượng nước dưới đất.....	12
II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC	21
2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất.....	21
2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)	21
2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)	21
2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n) ...	22
2.1.4. Tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ ($\beta(n-q)$)	23
2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất	24
2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất.....	24
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	24

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên, địa điểm thực hiện cảnh báo, dự báo

Bản tin cảnh báo, dự báo nguồn nước dưới đất nằm trên lưu vực sông Thạch Hãn được biên soạn 1 năm 1 lần để cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ các mục đích quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước và các mục đích khác theo quy định pháp luật.

Lưu vực sông Thạch Hãn là một trong những lưu vực sông ở Việt Nam với diện tích lưu vực là 2.660 km². Mùa khô trên lưu vực diễn ra từ tháng 1 đến tháng 8, mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 12. Nội dung chính của bản tin năm bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất và chất lượng nước năm 2025; Dự báo mực nước dưới đất năm 2026 tại các tầng chứa nước, đưa ra những cảnh báo mực nước và chất lượng nước trong phạm vi 45 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

1.2. Hiện trạng nguồn nước khu vực cảnh báo, dự báo

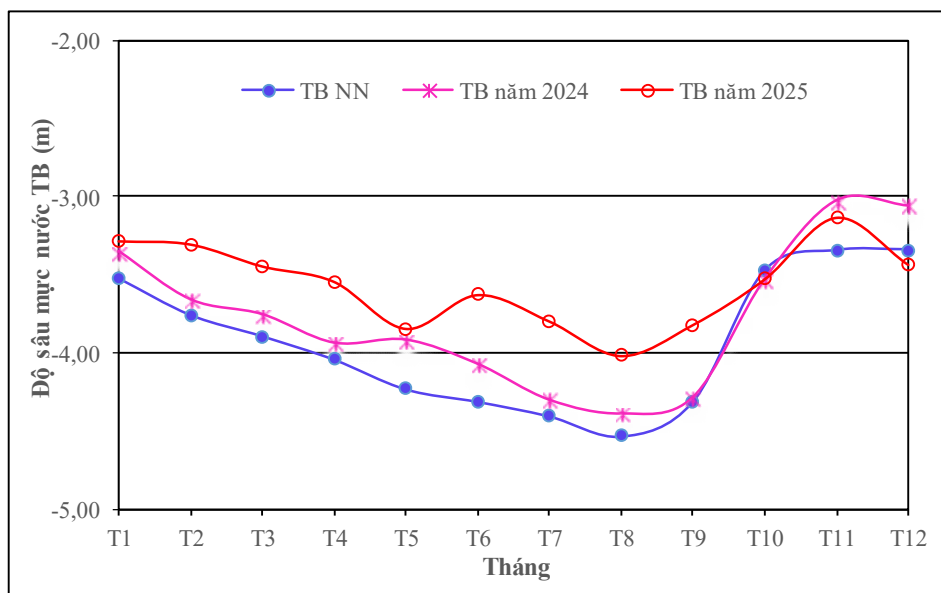
1.2.1. Đặc điểm nguồn nước dưới đất

Nguồn nước dưới đất trên lưu vực sông Thạch Hãn phân bố chủ yếu trong các tầng chứa nước gồm: tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh), tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp), tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n) và tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ ($\beta(n-q)$). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 1.158.971,1m³/ngày, tầng chứa nước qp là 432.569,5m³/ngày, tầng chứa nước n là 227,1m³/ngày và tầng chứa $\beta(n-q)$ là 371,3m³/ngày.

1.2.2. Mực nước dưới đất

1.2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Giá trị trung bình năm 2025 dâng so với trung bình nhiều năm là 0,36m và hạ so với trung bình năm 2024 là 0,21m. Giá trị trung bình tháng năm 2025 hạ thấp nhất so với trung bình nhiều năm là 0,10m vào tháng 12 và trung bình năm 2024 là 0,37m vào tháng 12.



Hình 1. Đồ thị mực nước trung bình tháng năm 2024, 2025 và trung bình nhiều năm

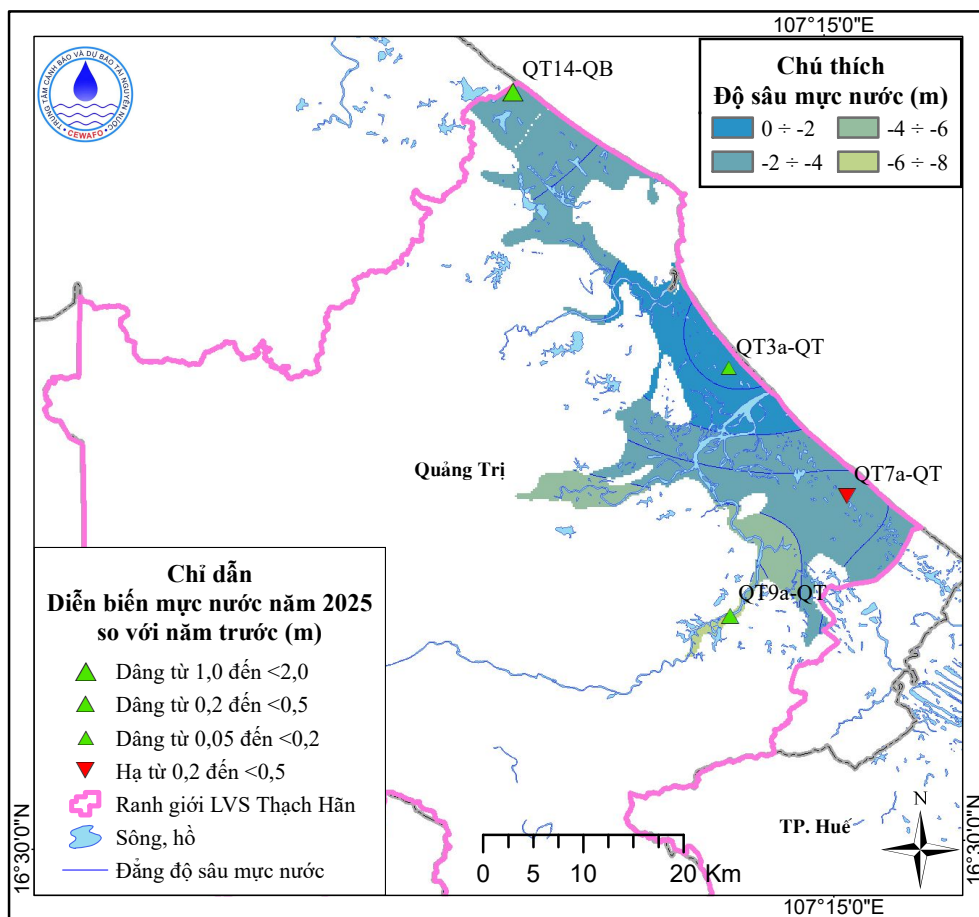
Trong năm 2025: Mực nước trung bình năm nông nhất là -0,7m tại xã Cửa Việt (QT3a-QT) và sâu nhất là -6,5m tại phường Quảng Trị (QT9a-QT).

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình năm 2025 so với cùng thời điểm 1 năm trước cho thấy mực nước suy giảm lớn nhất là 0,49m tại xã Triệu Cơ. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

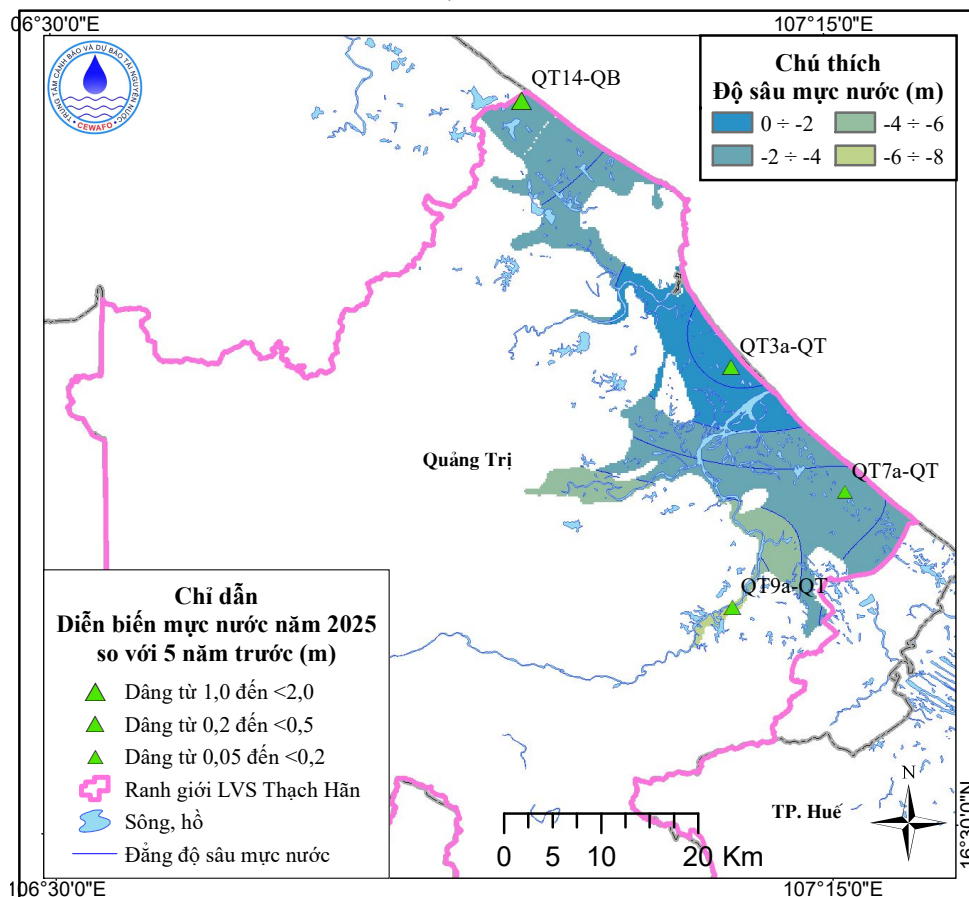
Bảng 1. Diễn biến mực nước TB năm so với cùng thời điểm năm trước

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	0,49	xã Triệu Cơ (QT7a-QT)	1,02	xã Sen Ngr (QT14-QB)
5 năm trước (2020)	Dâng	-	-	1,13	xã Sen Ngr (QT14-QB)

Ghi chú: Kí hiệu “-” là không có giá trị/địa điểm.



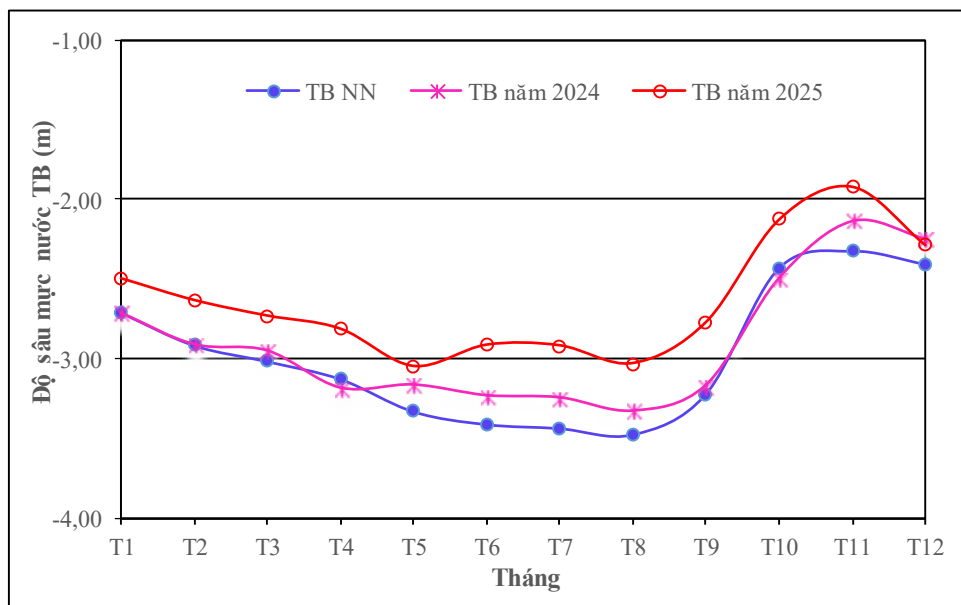
Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước năm 2025 so với năm trước



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước năm 2025 so với 5 năm trước

1.2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Giá trị trung bình năm 2025 dâng so với trung bình nhiều năm là 0,34m và trung bình năm 2024 là 0,26m. Giá trị trung bình tháng năm 2025 không có sự hạ thấp so với trung bình nhiều năm và hạ thấp nhất so với trung bình năm 2024 là 0,04m vào tháng 12.



Hình 4. Đồ thị mực nước trung bình tháng năm 2024, 2025 và trung bình nhiều năm

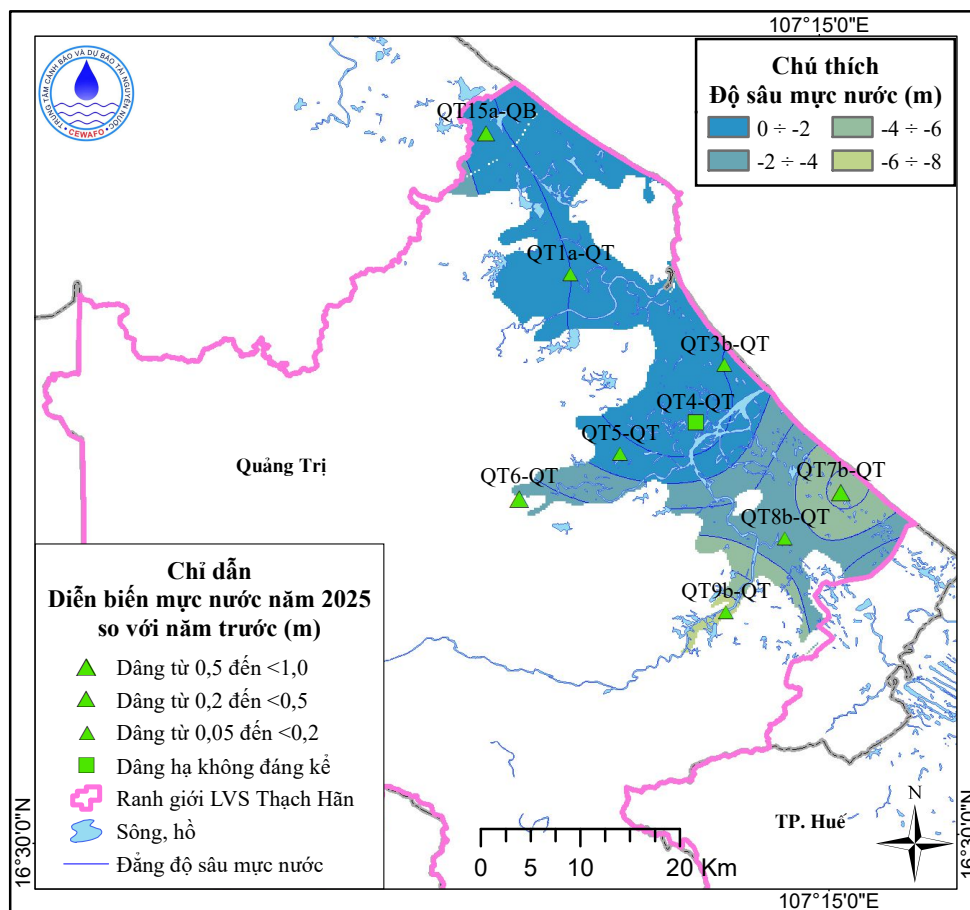
Trong năm 2025: Mực nước trung bình năm nông nhất là -0,16m tại xã Cửa Việt (QT4-QT) và sâu nhất là -6,54m tại phường Quảng Trị (QT9b-QT).

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình năm 2025 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước không có sự suy giảm. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

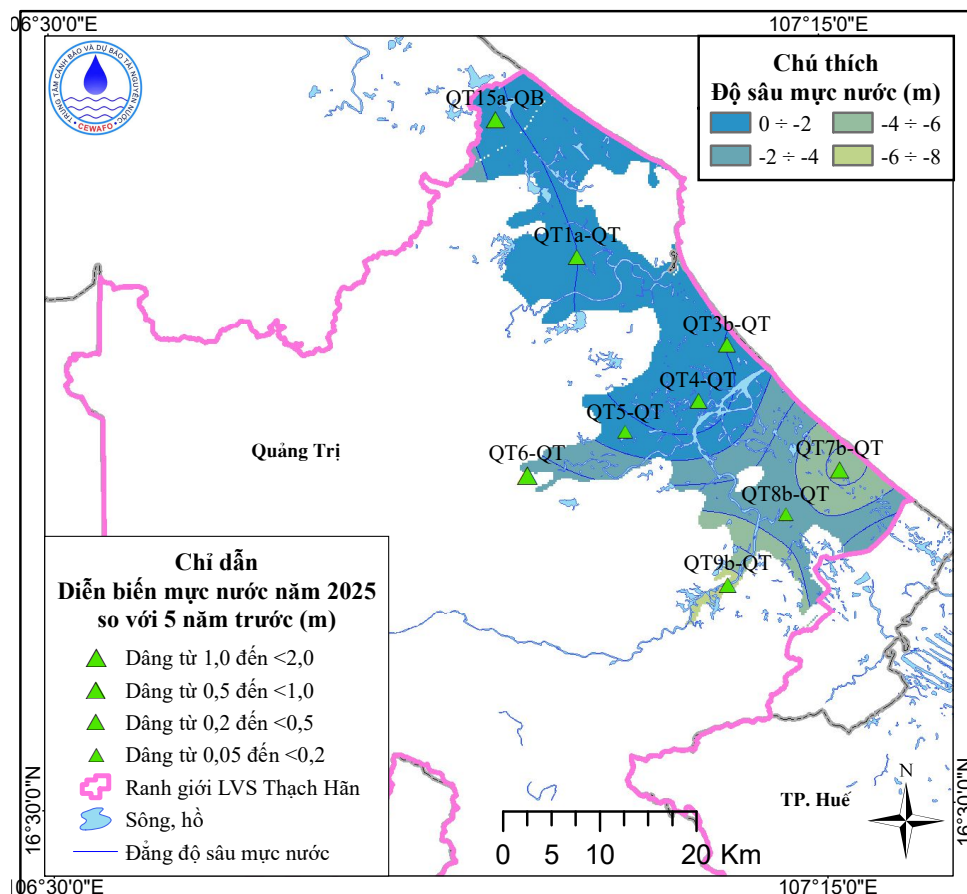
Bảng 2. Diễn biến mực nước TB năm so với cùng thời điểm năm trước

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	-	-	0,66	xã Triệu Cơ (QT7b-QT)
5 năm trước (2020)	Dâng	-	-	1,26	xã Cam Lộ (QT6-QT)

Ghi chú: Kí hiệu “-” là không có giá trị/địa điểm.



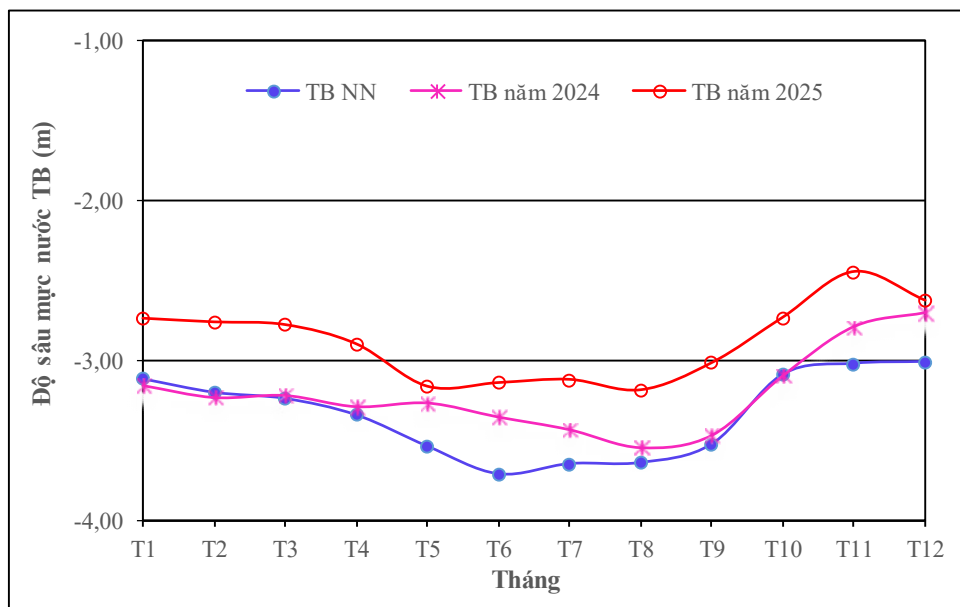
Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước năm 2025 so với năm trước



Hình 6. Sơ đồ diễn biến mực nước năm 2025 so với 5 năm trước

1.2.2.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Giá trị trung bình năm 2025 dâng so với trung bình nhiều năm là 0,46m và trung bình năm 2024 là 0,32m. Giá trị trung bình tháng năm 2025 không có sự hạ thấp so với trung bình nhiều năm và trung bình năm 2024.



Hình 7. Đồ thị mực nước trung bình tháng năm 2024, 2025 và trung bình nhiều năm

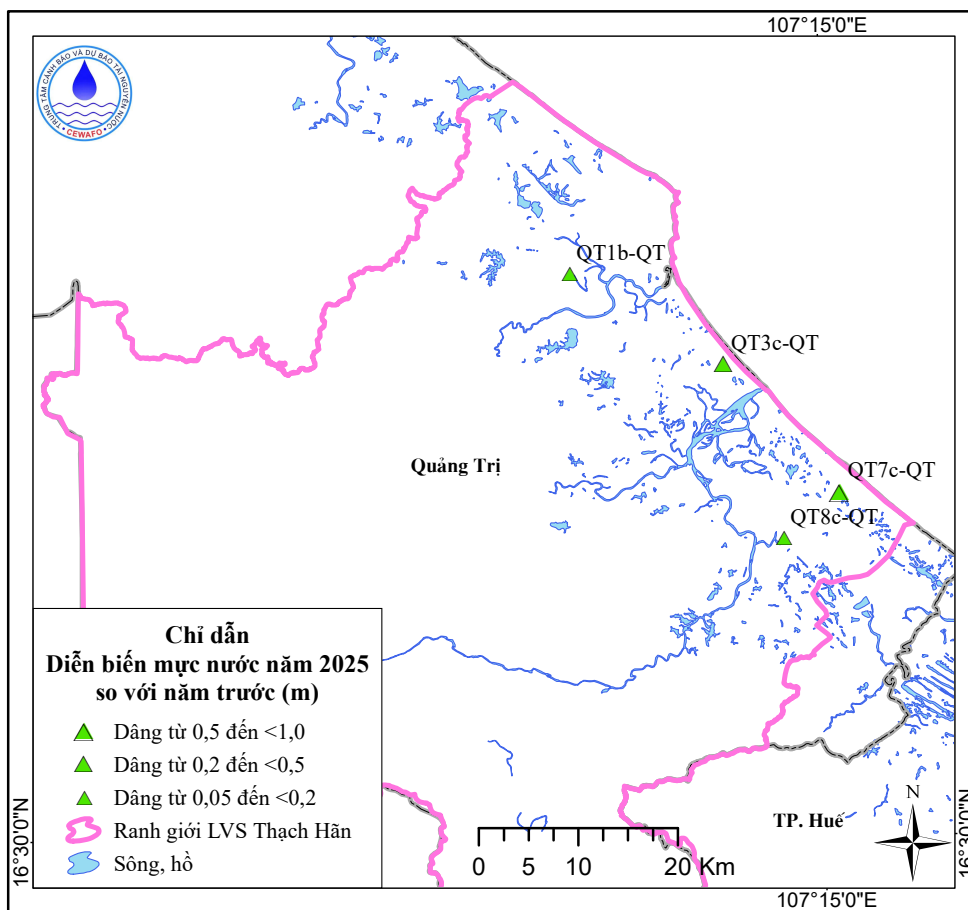
Trong năm 2025: Mực nước trung bình năm dâng nhất là -1,03m tại xã Vĩnh Thủy (QT1b-QT) và sâu nhất là -5,33m tại xã Triệu Cơ (QT7c-QT).

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình năm 2025 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước không có sự suy giảm. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

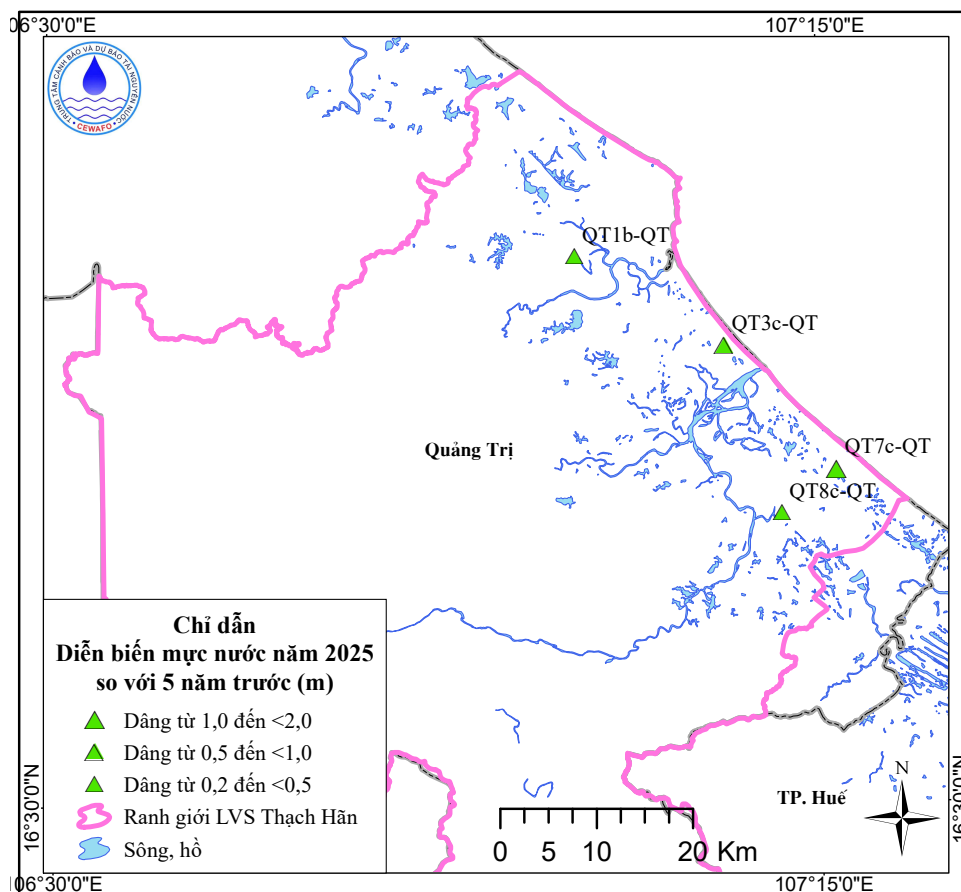
Bảng 3. Diễn biến mực nước TB năm so với cùng thời điểm năm trước

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	-	-	0,69	xã Triệu Cơ (QT7c-QT)
5 năm trước (2020)	Dâng	-	-	1,02	xã Triệu Cơ (QT7c-QT)

Ghi chú: Kí hiệu “-” là không có giá trị/địa điểm.



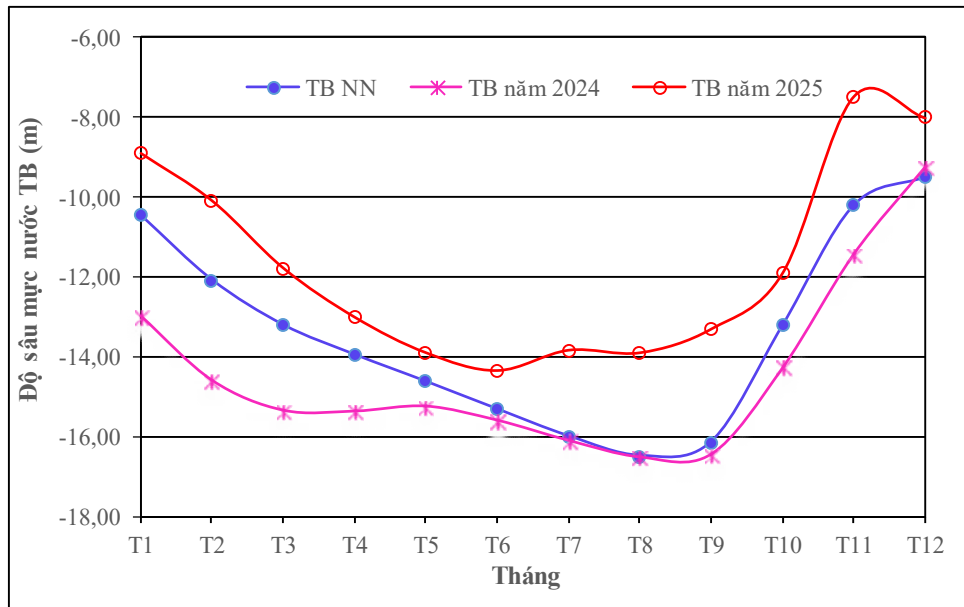
Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước năm 2025 so với năm trước



Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước năm 2025 so với 5 năm trước

1.2.2.4. Tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Độ tứ ($\beta(n-q)$)

Giá trị trung bình năm 2025 dâng so với trung bình nhiều năm là 1,73m và trung bình năm 2024 là 2,72m. Giá trị trung bình tháng năm 2025 không có sự hạ thấp so với trung bình nhiều năm và trung bình năm 2024.



Hình 10. Đồ thị mực nước trung bình tháng năm 2024, 2025 và trung bình nhiều năm

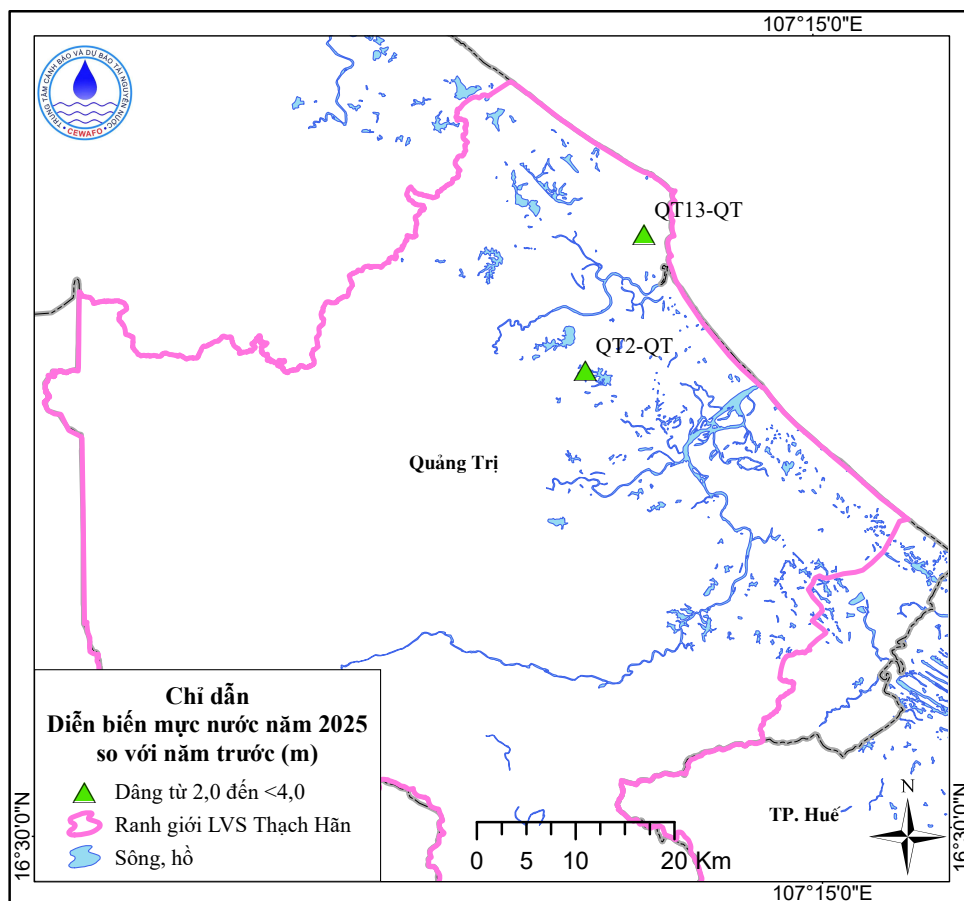
Trong năm 2025: Mực nước trung bình năm nông nhất là -10,97m tại xã Cồn Tiên (QT2-QT) và sâu nhất là -12,46m tại xã Cửa Tùng (QT13-QT).

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình năm 2025 so với cùng thời điểm 1 năm, 5 năm trước cho thấy mực nước không có sự suy giảm. Chi tiết được thể hiện trong bảng và hình sau.

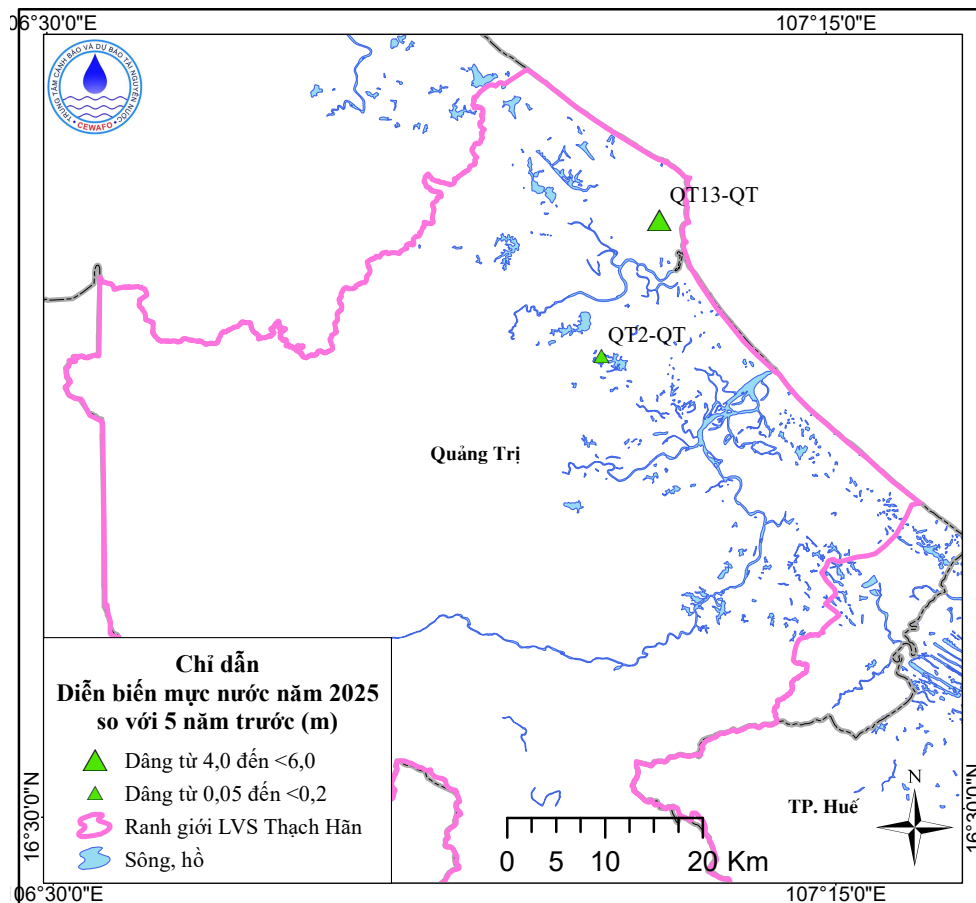
Bảng 4. Diễn biến mực nước TB năm so với cùng thời điểm năm trước

Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2024)	Dâng	-	-	2,84	xã Cồn Tiên (QT2-QT)
5 năm trước (2020)	Dâng	-	-	4,09	xã Cửa Tùng (QT13-QT)

Ghi chú: Kí hiệu “-” là không có giá trị/địa điểm.



Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước năm 2025 so với năm trước



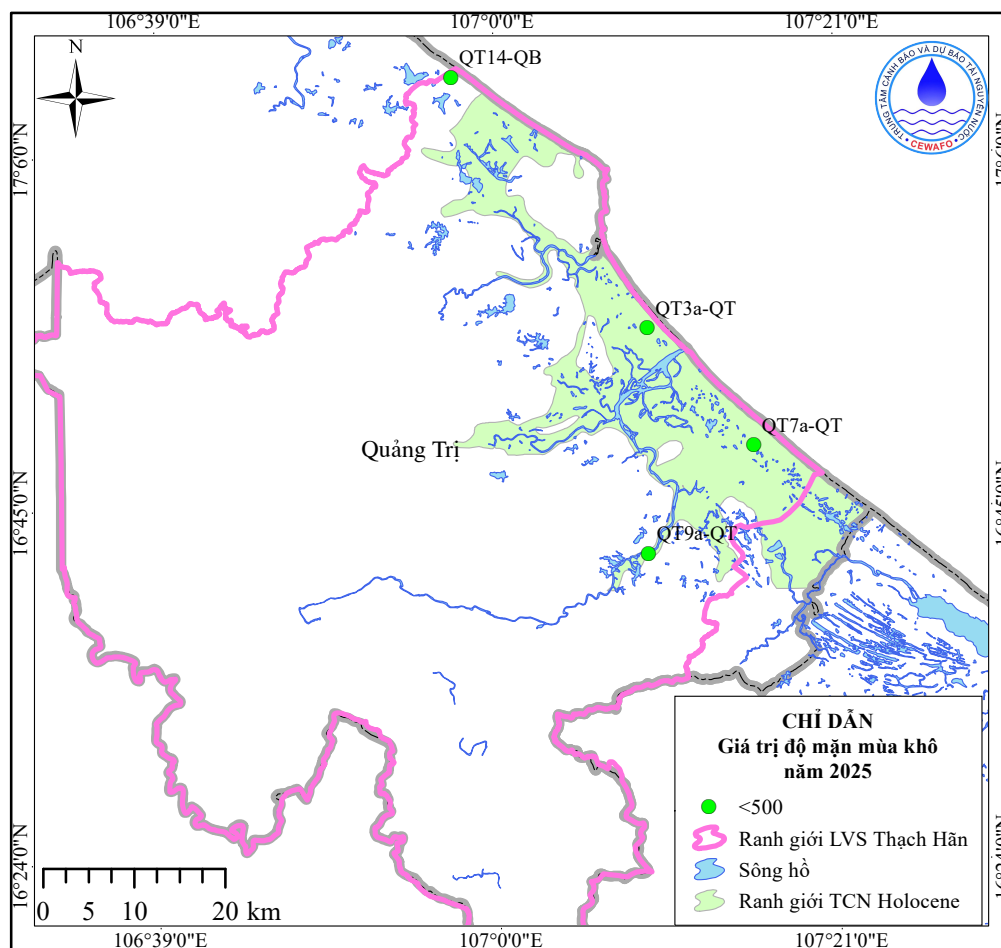
Hình 12. Sơ đồ diễn biến mực nước năm 2025 so với 5 năm trước

1.2.3. Chất lượng nước dưới đất

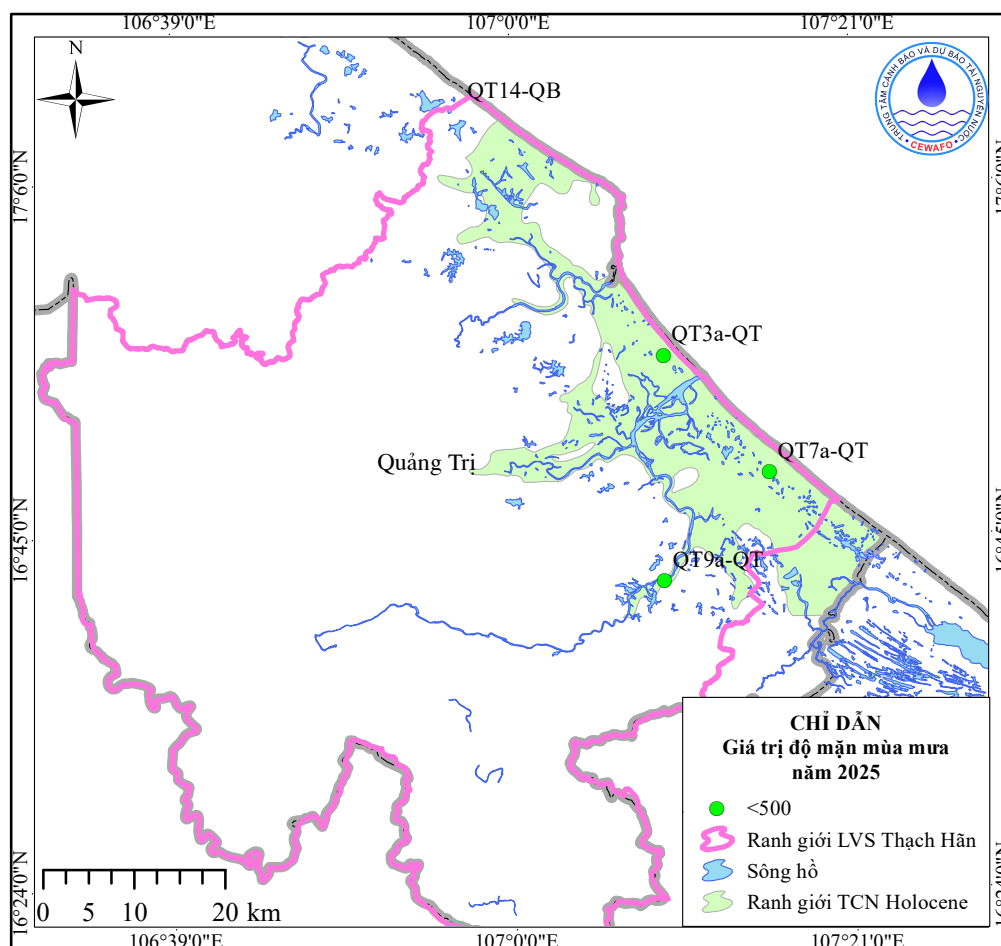
1.2.3.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

Kết quả phân tích mẫu nước năm 2025 tại các công trình quan trắc cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt, theo QCVN 09:2023/BTNMT đa số các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn (GTGH).

Thông số độ mặn (TDS): Độ mặn của nước tại các công trình quan trắc đều nhỏ hơn GTGH (1.500mg/l).



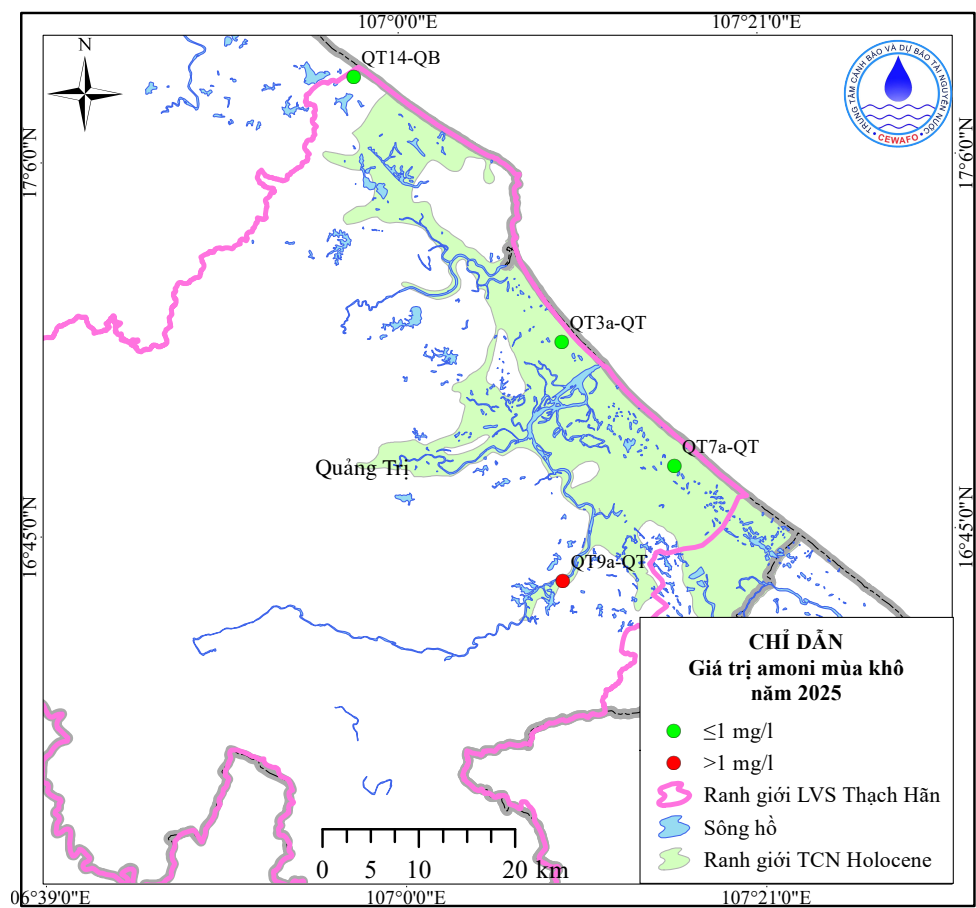
Hình 13. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa khô năm 2025



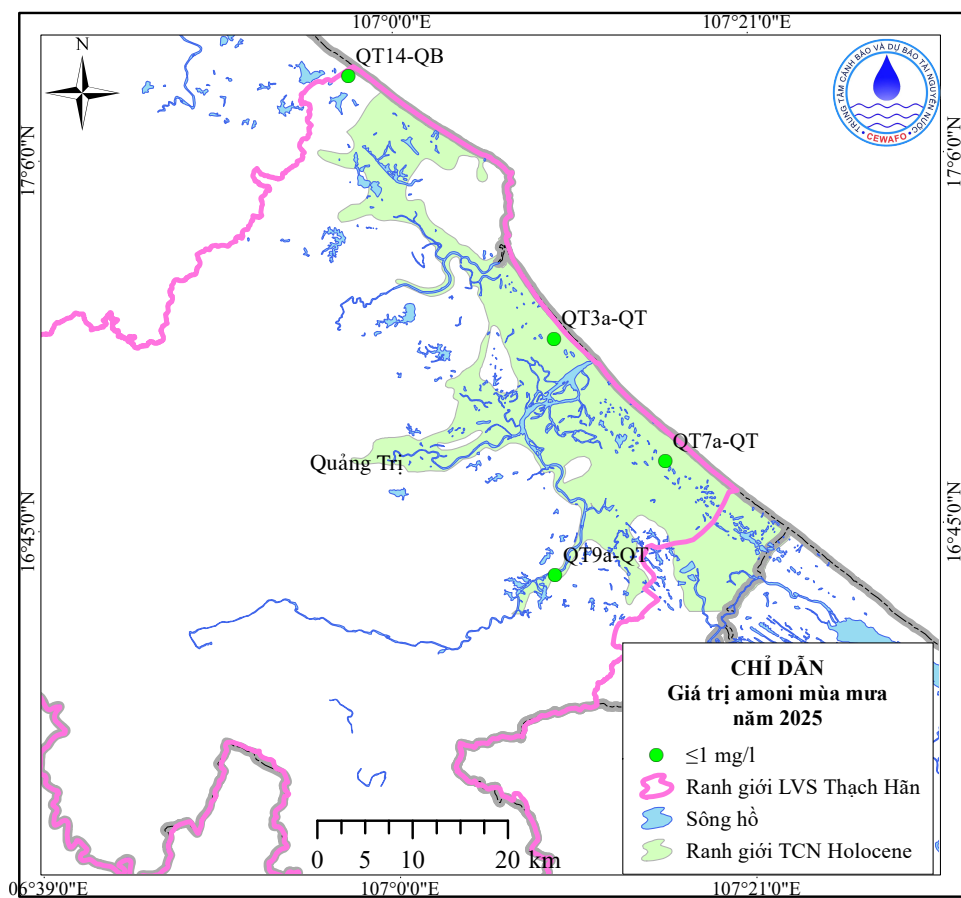
Hình 14. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa mưa năm 2025

Các thông số vi lượng: Kết quả phân tích cho thấy các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH. Có 1 công trình QT9a-QT (phường Quảng Trị) có hàm lượng Mn vượt GTGH (0,5mg/l) vào mùa khô với giá trị là 0,70mg/l và mùa mưa là 0,69mg/l.

Thông số Amoni (NH_4^+): Kết quả phân tích cho thấy đa số các công trình có hàm lượng thấp GTGH (1mg/l), có 1 công trình QT9a-QT (phường Quảng Trị) vượt GTGH vào mùa khô với hàm lượng là 1,58mg/l.



Hình 15. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa khô năm 2025

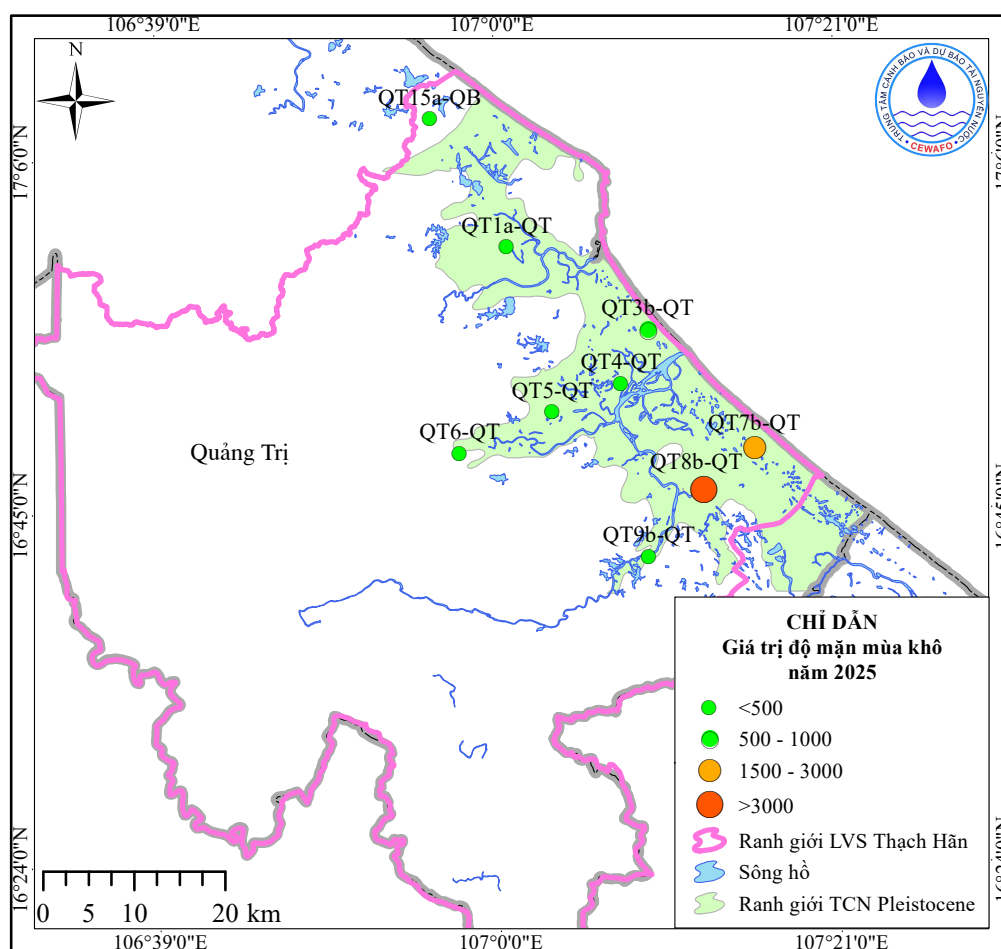


Hình 16. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa mưa năm 2025

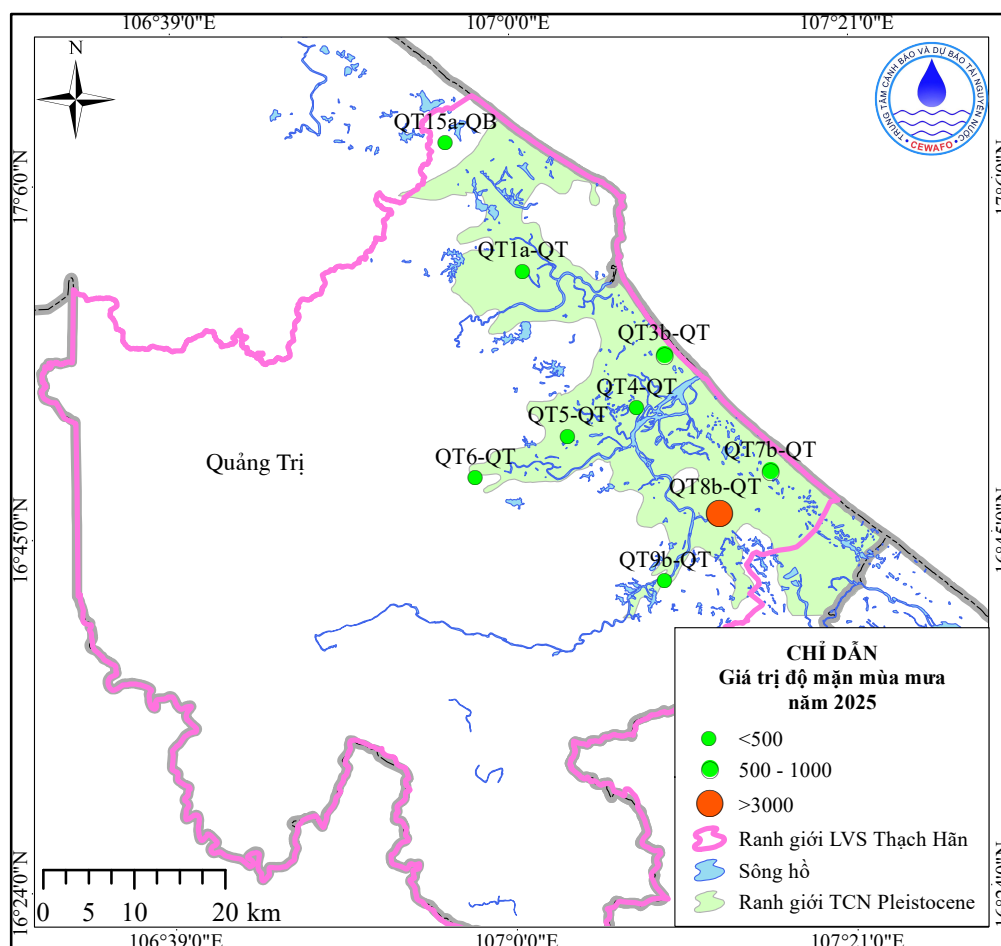
1.2.3.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

Kết quả phân tích mẫu nước năm 2025 tại các công trình quan trắc cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT đa số các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn (GTGH).

Thông số độ mặn (TDS): Độ mặn của nước tại các công trình quan trắc đa số đều nhỏ hơn GTGH (1.500mg/l). Có 2 công trình vượt GTGH phân bố tại xã Triệu Cơ (QT8b-QT, QT7b-QT).



Hình 17. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa khô năm 2025



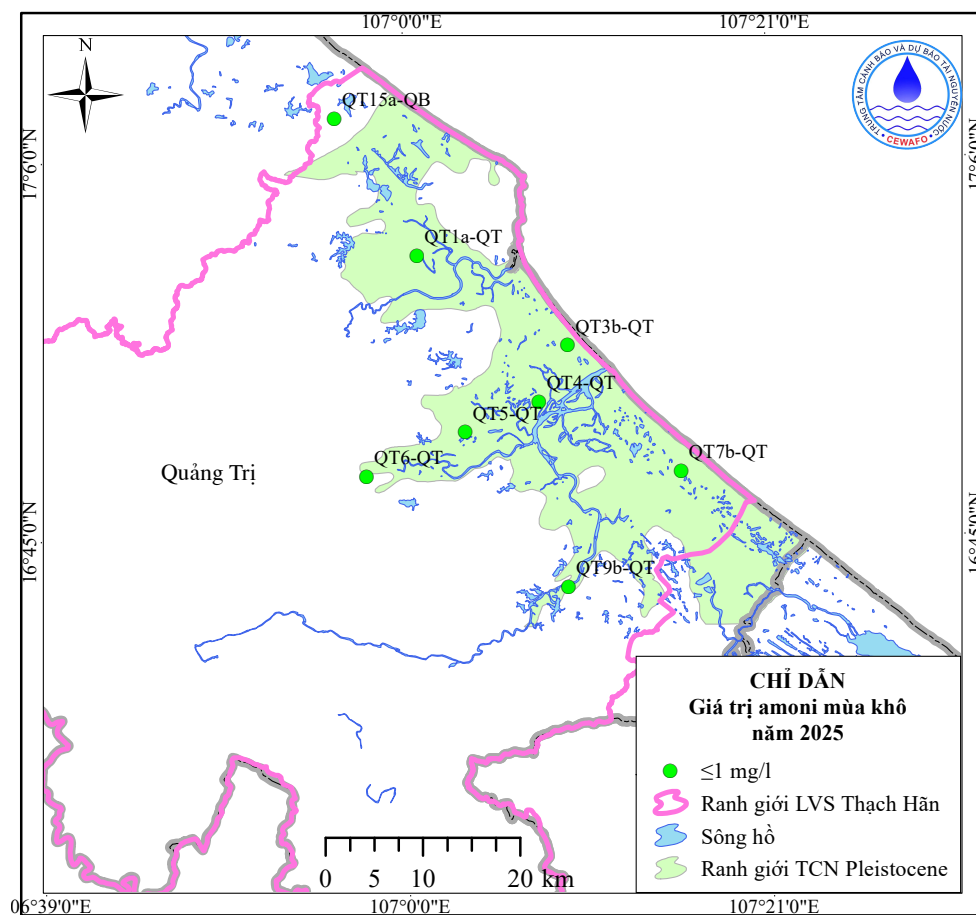
Hình 18. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa mưa năm 2025

Các thông số vi lượng: Kết quả phân tích cho thấy đa số các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH, tuy nhiên hàm lượng Mangan (Mn), Chì (Pb) tại một vài công trình vượt GTGH, chi tiết như sau:

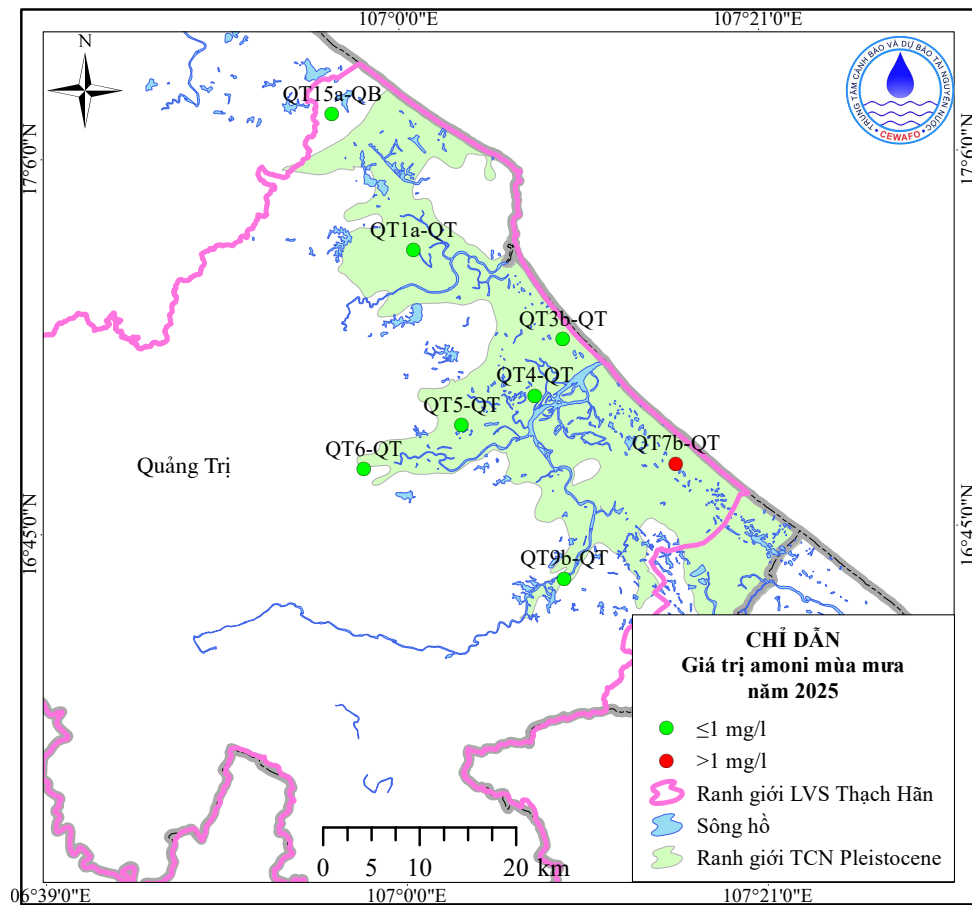
- **Hàm lượng Mn** vượt tại công trình QT7b-QT (xã Triệu Cơ) với hàm lượng vào mùa khô là 1,30mg/l và vào mùa mưa là 0,81mg/l.

- **Hàm lượng Pb** vượt GTGH (0,01mg/l) vào mùa khô tại công trình QT7b-QT (xã Triệu Cơ) với hàm lượng là 0,042mg/l và vào mùa mưa là 0,011mg/l.

Thông số Amoni (NH_4^+): Kết quả phân tích cho thấy đa số các công trình có hàm lượng thấp GTGH (1mg/l), có công trình QT7b-QT (xã Triệu Cơ) cao hơn GTGH vào mùa mưa với hàm lượng là 2,61mg/l.



Hình 19. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa khô năm 2025

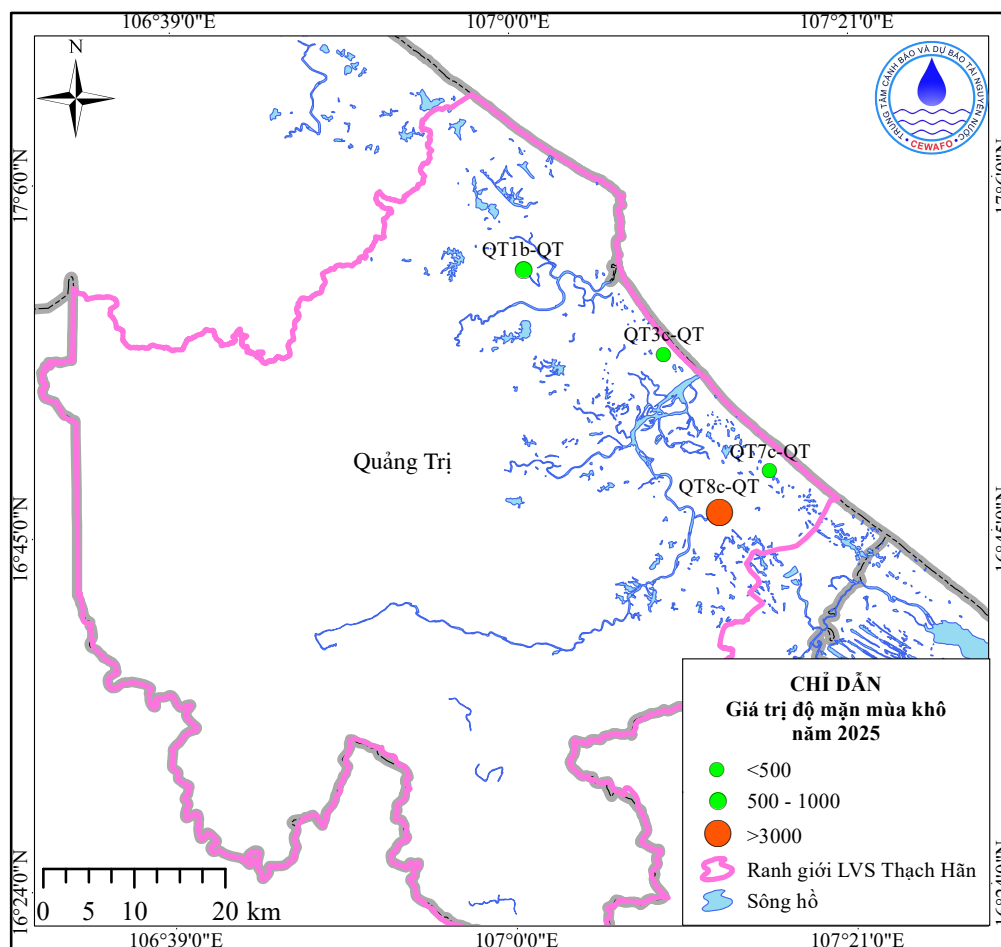


Hình 20. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa mưa năm 2025

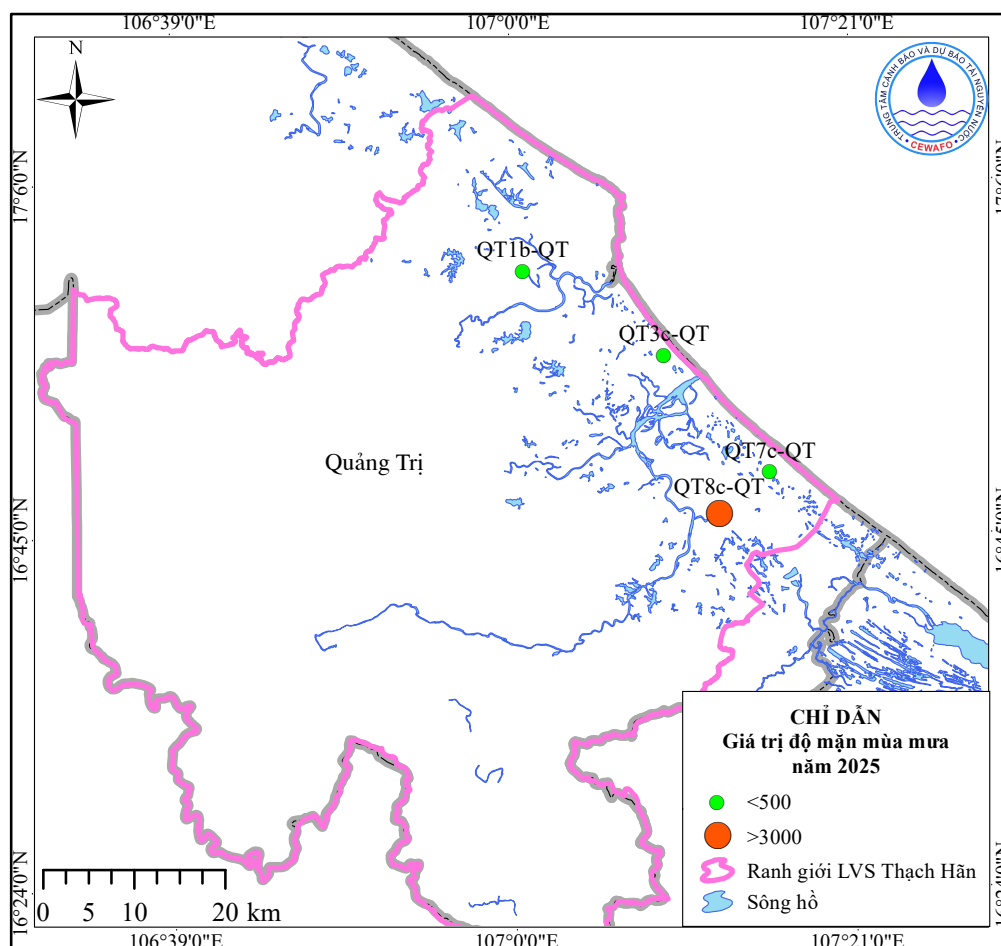
1.2.3.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

Kết quả phân tích mẫu nước năm 2025 tại các công trình quan trắc cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt đến mặn, theo QCVN 09:2023/BTNMT đa số các công trình đều có hàm lượng thấp hơn giá trị giới hạn (GTGH).

Thông số độ mặn (TDS): Độ mặn của nước tại các công trình quan trắc đa số đều nhỏ hơn GTGH (1.500mg/l). Có 1 công trình vượt GTGH phân bố tại xã Triệu Cơ (QT8c-QT).



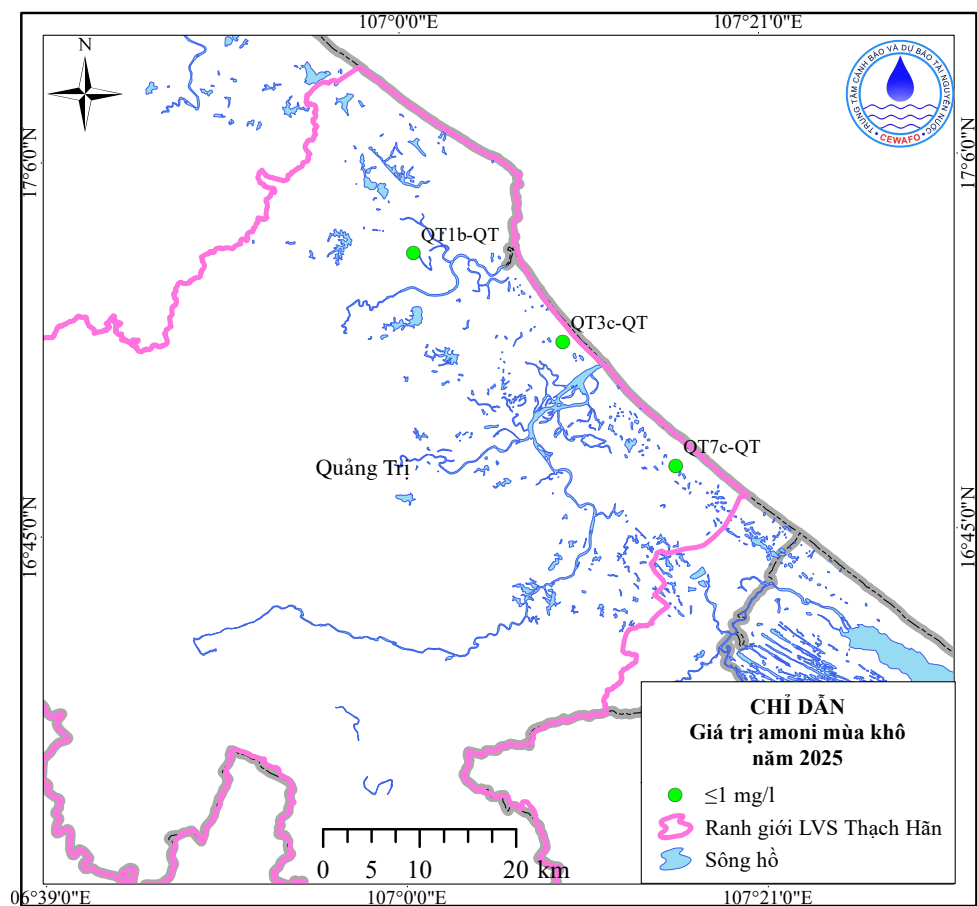
Hình 21. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa khô năm 2025



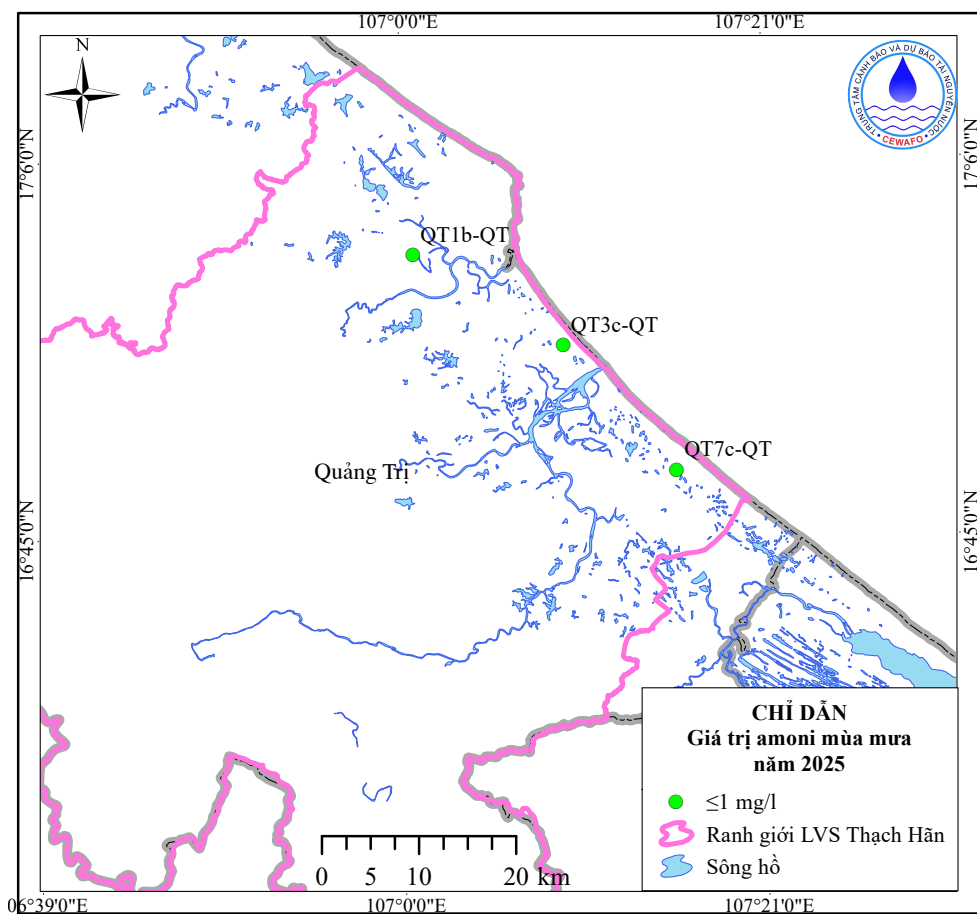
Hình 22. Sơ đồ phân bố giá trị độ mặn mùa mưa năm 2025

Các thông số vi lượng: Kết quả phân tích cho thấy đa số các công trình đều có hàm lượng thấp hơn GTGH, tuy nhiên hàm lượng Mangan tại công trình QT3c-QT (xã Cửa Việt) vượt GTGH (0,5mg/l) vào mùa khô là 0,62mg/l.

Thông số Amoni (NH_4^+): Kết quả phân tích cho thấy không có công trình vượt GTGH (1mg/l).



Hình 23. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa khô năm 2025



Hình 24. Sơ đồ phân bố giá trị amoni mùa mưa năm 2025

1.2.3.4. Tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ ($\beta(n-q)$)

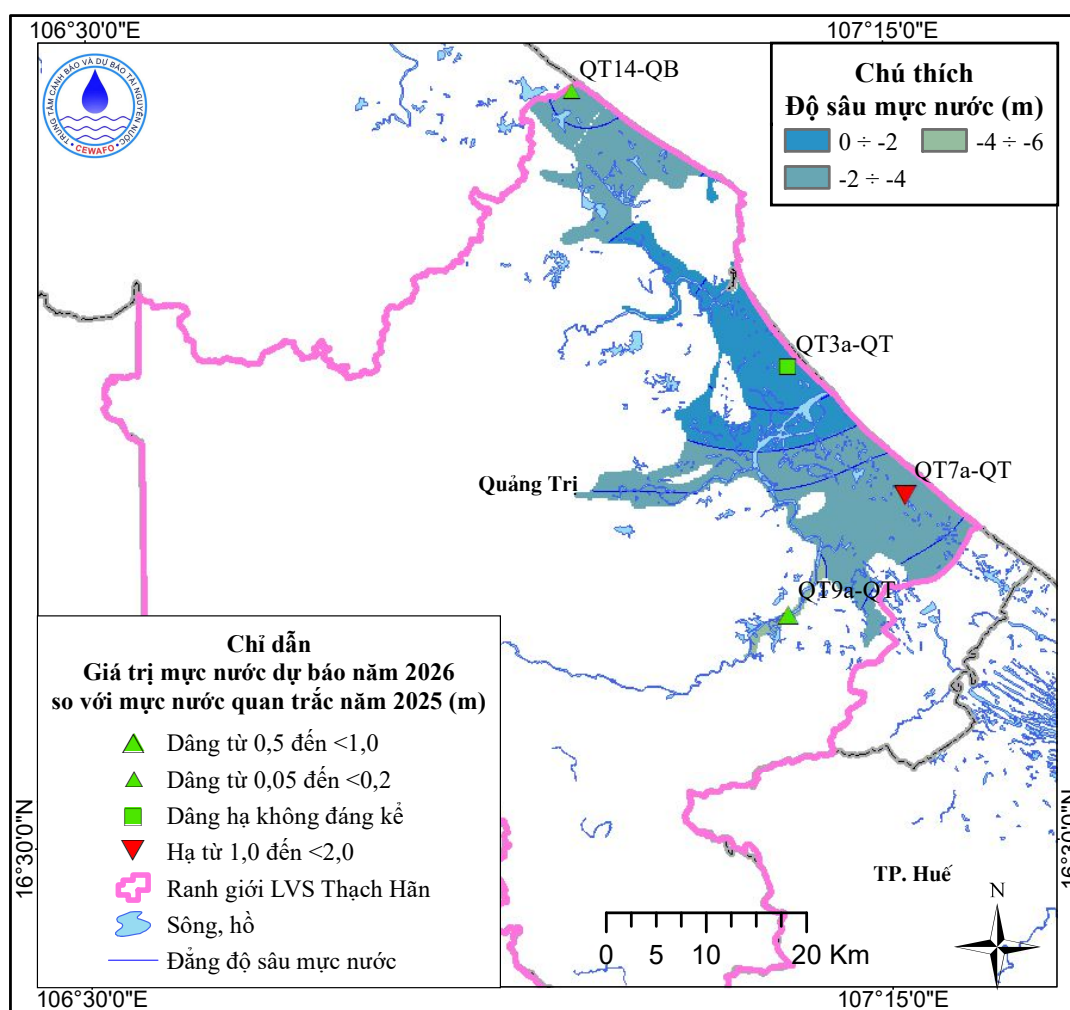
Theo kết quả phân tích chất lượng nước năm 2025 được đánh giá theo QCVN 09:2023/BTNMT tại lưu vực sông cho thấy nước trong tầng thuộc loại nước nhạt. Các thông số vi lượng và amoni nằm trong giá trị giới hạn.

II. CẢNH BÁO VÀ DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC

2.1. Dự báo nguồn nước dưới đất

2.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocene (qh)

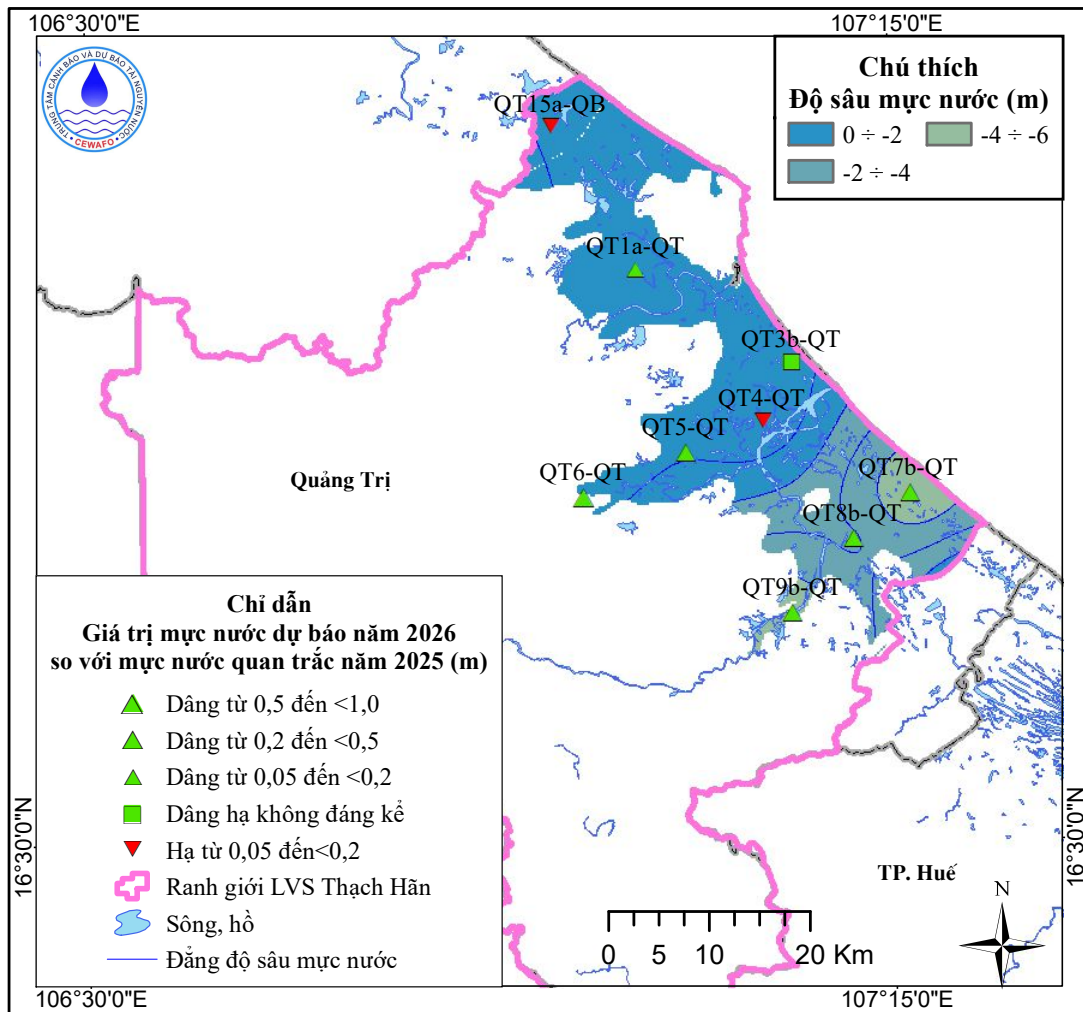
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo năm 2026 so với mực nước quan trắc năm 2025 có 2/4 công trình mực nước dâng, có 1/4 công trình mực nước hạ và 1/4 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng từ 0,5 đến 1m ở phường Quảng Trị.



Hình 25. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qh

2.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocene (qp)

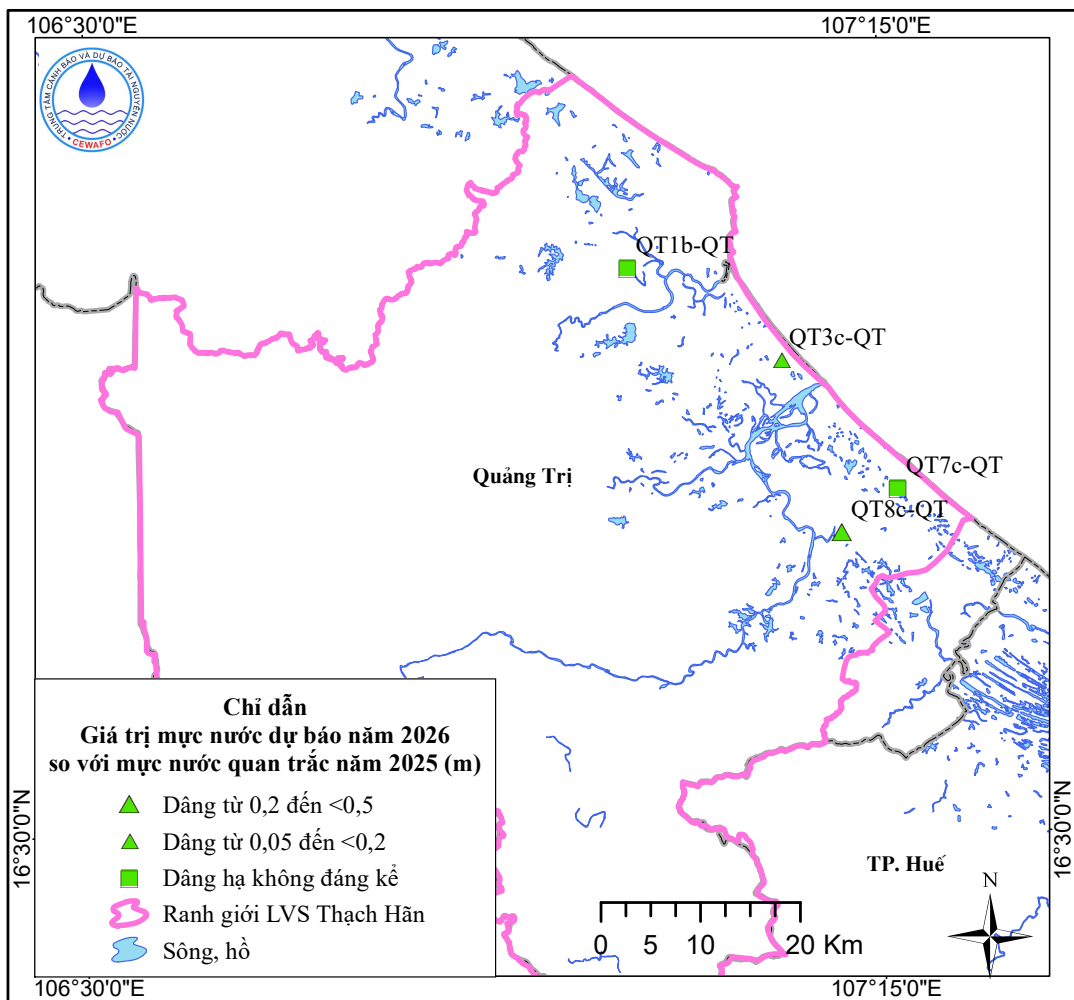
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo năm 2026 so với mực nước quan trắc năm 2025 có 6/9 công trình mực nước dâng, có 2/9 công trình mực nước hạ và 1/9 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng từ 0,5 đến 1m ở xã Cam Lộ.



Hình 26. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qđ

2.1.3. Tầng chứa nước khe nứt - lỗ hổng trong đá trầm tích lục nguyên Neogen (n)

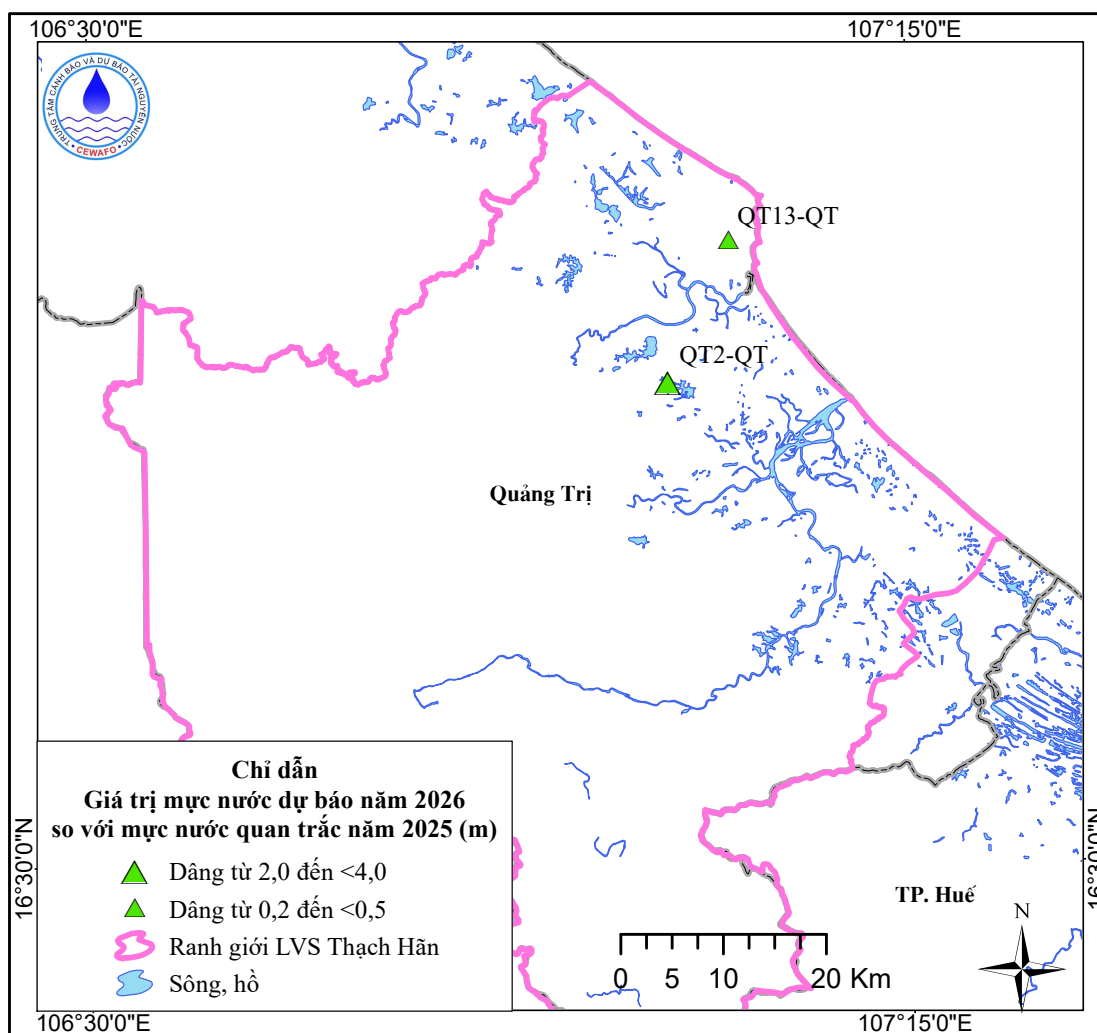
Diễn biến mực nước dưới đất dự báo năm 2026 so với mực nước quan trắc năm 2025 có 2/4 công trình mực nước dâng và 2/4 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng cao từ 0,2 đến 0,5m ở xã Triệu Cơ.



Hình 27. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng n

2.1.4. Tầng chứa nước khe nứt trong phun trào bazan Neogen - Đệ tứ (β(n-q))

Diễn biến mực nước dưới đất dự báo năm 2026 so với mực nước quan trắc năm 2025 có 2/2 công trình mực nước dâng. Mực nước dâng cao từ 2 đến 4m tập trung ở xã Cồn Tiên.



Hình 28. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng $\beta(n-q)$

2.2. Nhận định xu thế diễn biến nguồn nước dưới đất

Dự báo mực nước dưới đất năm 2026 so với mực nước quan trắc năm 2025 khả năng tiếp tục có xu thế dâng là chính tại các tầng chứa nước qh, qp, $\beta(n-q)$ và xu thế không rõ ràng tại tầng n.

Các công trình thuộc lưu vực sông thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo. Nước trong lưu vực sông thuộc loại nước nhạt đến mặn, tại một số công trình có hàm lượng Mn, Pb và NH_4^+ vượt GTGH theo QCVN09:2023/BTNMT.

2.3. Cảnh báo nguồn nước dưới đất

Theo Điều 32 của Nghị định 53/2024/NĐ-CP về xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất, trong lưu vực sông Thạch Hãn thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi lưu vực sông Thạch Hãn chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực

nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong lưu vực sông và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép, đáp ứng các thông số cơ bản theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên một số công trình có thông số vượt GTGH, tập trung ở tầng chứa nước Holocen (qh), Pleistocen (qp) và Neogen (n). Các thông số vượt bao gồm độ mặn, Mangan, Chì, Amoni. Một số khu vực đáng chú ý gồm:

- + Tầng qh: Mangan và Amoni vượt tại phường Quảng Trị (QT9a-QT).
- + Tầng qp: Mangan, Chì và Amoni vượt tại xã Triệu Cơ (QT7b-QT).
- + Tầng n: Mangan vượt tại xã Cửa Việt (QT3c-QT).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về:

Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: Số 10 ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Email: ttqhdtnnqg_bkth@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO_2^- tính theo Nitơ)	mg/l	1
	10	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	24	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis (4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	28	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	29	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	30	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện